

PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 444 | Ngày: 29/07/2026 21:49

Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 2.609.000 đ

Tiền mặt: 2.485.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 124.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 7.547.000 đ

Tiền mặt cả ngày: 5.188.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 2.329.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 0 đ

Nguyên vật liệu cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
1	Bánh Orio	6.00 Cái	0.54 Cây	0.00 Cây	Bổ sung thực tế cuối ca
2	Bột Cacao	495.00 gram	0.01 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
3	Bột Đá Xay	369.00 gram	0.63 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
4	Bột Milk Foam	524.00 gram	0.48 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
5	Bơ Đậu Phộng	168.00 gram	0.16 hủ	0.00 hủ	Bổ sung thực tế cuối ca
6	Cà Phê	841.00 gram	1.16 túi	2.00 túi	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
7	Đào Ngâm	1141.00 gram	0.00 Hộp	0.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
8	Mút đào	539.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
9	Hồng Trà	662.00 gram	0.00 Gói	1.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
10	Soda	7.00 lon	5.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
11	Syrup Bạc Hà	430.00 ml	0.19 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
12	Syrup Lựu Đỏ	213.00 ml	0.70 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
13	Mút Chanh Dây	950.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
14	Mút Kiwi	929.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
15	Mút Mãng Cầu	663.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
16	Mút Việt Quất	698.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
17	Mút Xoài	753.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
18	Sữa Tươi Không Đường	67.00 ml	2.93 Hộp	0.00 Hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
19	Syrup Curacao	951.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
20	Syrup Đào	117.00 ml	0.88 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
21	Mứt ổi hồng	992.00 gram	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
22	Trà Ô Long	654.00 gram	0.00 Gói	4.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
23	Nước suối	22.00 chai	0.00 chai	0.00 chai	Bổ sung thực tế cuối ca
24	Trà Ô Long Đào	647.00 gram	0.00 Gói	1.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
25	Trân Châu 3Q Ngọc Trai	1835.00 gram	0.08 Gói	1.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
26	Sốt Matcha	249.00 ml	0.60 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
27	Sốt Chocolate	341.00 ml	0.46 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
28	Syrup Táo	729.00 ml	0.00 Chai	0.00 Chai	Bổ sung thực tế cuối ca
29	Bột Kem Muối	248.00 ml	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
30	Bia Heineken bạc	11.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
31	Bia Heineken xanh	19.00 Lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
32	Cam	2590.00 gram	0.41 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
33	Cà Rốt	4220.00 gram	0.00 Kg	0.00 Kg	Bổ sung thực tế cuối ca
34	Coca Cola	27.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
35	Dưa Hấu	2000.00	0.00 Trái	0.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
36	Pepsi	21.00 lon	0.00 lon	0.00 lon	Bổ sung thực tế cuối ca
37	Trà dưỡng tâm	5.00 Gói	5.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
38	Trà dưỡng nhan	9.00 Gói	1.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
39	Vải Ngâm	3.00 Trái	0.00 Trái	0.00 Trái	Bổ sung thực tế cuối ca
40	Đậu Phộng Tỏi Ớt	39.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
41	Đậu Phộng Tôm - Rong Biển	34.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
42	Hướng Dương	22.00 Gói	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
43	Bột Matcha	795.00 gram	0.00 Gói	0.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
44	Trà lài	687.00 Gram	0.00 Gói	13.00 Gói	Bổ sung thực tế cuối ca
45	Rich lùn	101.00 ml	0.00 hộp	0.00 hộp	Bổ sung thực tế cuối ca
46	Yaourt	21.00 Hũ	0.00 Hũ	0.00 Hũ	Bổ sung thực tế cuối ca
47	Bánh dad	7.00 Gói	0.00 Bịch	0.00 Bịch	Bổ sung thực tế cuối ca
48	Cốt chanh	224.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca

STT	Tên	Tồn thực tế	Cần bổ sung	Bổ sung thực tế	Ghi chú
49	Mút hạt dẻ cười	819.00 Gram	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
50	Sốt caramel muối	145.00 Gr	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
51	Syrup Atiso	913.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
52	Syrup Bí đao	1288.00 Gr	0.00 Gr	0.00 Gr	Bổ sung thực tế cuối ca
53	Syrup vải	305.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
54	Syrup hazelnut	515.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
55	Syrup hoa hồng	1169.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
56	Syrup trà xanh	795.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
57	Syrup vanilla	289.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca
58	Tiger Bạc	3.00 Lon	0.00 Lon	0.00 Lon	Bổ sung thực tế cuối ca
59	Sốt hạt dẻ cười	100.00 Gram	0.00 Gram	0.00 Gram	Bổ sung thực tế cuối ca

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....